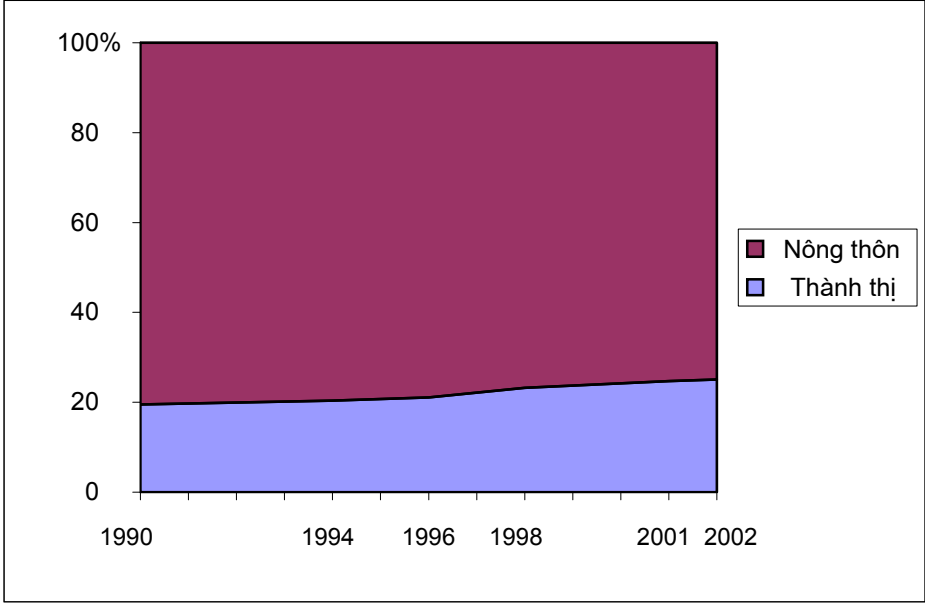


Câu Ý	Nội dung	Điểm
I	Cơ cấu ngành công nghiệp	3,5 điểm
1.	Cơ cấu ngành công nghiệp nước ta tương đối đa dạng và đang chuyển biến ngày càng hợp lý hơn (2,5 điểm)	
	<p><i>a. Cơ cấu ngành công nghiệp tương đối đa dạng (1,0 điểm)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nước ta có đủ các ngành công nghiệp quan trọng. 0,25 - Các ngành công nghiệp (CN) được chia thành 4 nhóm chính: CN năng lượng, CN vật liệu, CN sản xuất công cụ lao động, CN chế biến và sản xuất hàng tiêu dùng. 0,25 - Nêu các ngành chủ yếu của từng nhóm (0,5 điểm) <ul style="list-style-type: none"> + Ngành công nghiệp năng lượng gồm: công nghiệp điện, công nghiệp khai thác than, công nghiệp dầu khí. } 0,25 + Ngành công nghiệp vật liệu gồm: công nghiệp luyện kim, công nghiệp hoá chất, công nghiệp vật liệu xây dựng. + Ngành công nghiệp sản xuất công cụ lao động gồm: công nghiệp cơ khí, công nghiệp điện tử. } 0,25 + Ngành công nghiệp chế biến và sản xuất hàng tiêu dùng gồm: các ngành chế biến nông - lâm - thủy sản và sản xuất hàng tiêu dùng. <p><i>b. Cơ cấu ngành công nghiệp nước ta có sự chuyển biến (1,5 điểm)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thay đổi tỉ trọng giữa nhóm A và nhóm B. (1,0 điểm) <ul style="list-style-type: none"> + Trong những năm cuối của thập kỉ 80: <ul style="list-style-type: none"> . Tỉ trọng công nghiệp nhóm A giảm dần từ 37,8% (năm 1980) xuống 28,9% (năm 1989), tỉ trọng nhóm B tăng từ 62,2% (năm 1980) lên 71,1% (năm 1989). 0,25 . Tỉ trọng công nghiệp nhóm B tăng là để phục vụ 3 chương trình kinh tế lớn của Nhà nước. 0,25 + Từ đầu thập kỉ 90 đến nay: <ul style="list-style-type: none"> . Tỉ trọng công nghiệp nhóm A tăng dần từ 34,9% (năm 1990) lên 45,1% (năm 1998), tỉ trọng nhóm B giảm từ 65,1% (năm 1990) xuống 54,9% (năm 1998). 0,25 . Tăng tỉ trọng công nghiệp nhóm A chủ yếu để phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. 0,25 - Nổi lên một số ngành CN trọng điểm (0,5 điểm) <ul style="list-style-type: none"> + Đó là các ngành có thế mạnh lâu dài, có hiệu quả kinh tế cao, có tác động mạnh đến các ngành kinh tế khác. 0,25 + Một số ngành trọng điểm: chế biến nông - lâm - thủy sản, sản xuất hàng tiêu dùng, điện, dầu khí, cơ khí và điện tử; hoá chất và sản xuất vật liệu xây dựng... 0,25 	

2.	<p>Đông Nam Bộ là vùng có mức độ tập trung công nghiệp theo lãnh thổ cao nhất cả nước (1,0 điểm)</p> <ul style="list-style-type: none"> + Có vị trí địa lí thuận lợi: giáp đồng bằng SCL, Tây Nguyên, duyên hải Nam Trung Bộ, giáp Campuchia, biển Đông tạo điều kiện giao lưu với các vùng trong nước và thế giới. + Có nguồn tài nguyên phong phú: dầu mỏ, khí đốt, nguồn nguyên liệu nông, lâm, ngư nghiệp cho công nghiệp phát triển. + Có nguồn lao động dồi dào, lực lượng lao động kĩ thuật đông đảo, thị trường rộng lớn. + Có cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kĩ thuật vào loại tốt nhất cả nước, có chính sách đầu tư phát triển công nghiệp, thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước lớn nhất so với các vùng khác. 	
II	Tiềm năng phát triển kinh tế của Duyên hải miền Trung	3,5 điểm
1.	Xác định tên các tỉnh, thành phố (tương đương cấp tỉnh) thuộc Duyên hải miền Trung theo thứ tự từ Bắc vào Nam (1,0 điểm)	
	Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên-Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà, Ninh Thuận, Bình Thuận.	1,0
2.	Phân tích thế mạnh về nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và ảnh hưởng của chúng đến sự hình thành cơ cấu vùng (2,5 điểm)	
	<p><i>a. Các thế mạnh (2,0 điểm)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Về lâm nghiệp (0,75 điểm)</i> <ul style="list-style-type: none"> + Diện tích rừng còn tương đối lớn, đứng thứ 2 toàn quốc sau Tây Nguyên, độ che phủ của rừng là 34%. + Trong rừng có nhiều gỗ quý (táu, lim, gụ, sến,...), nhiều lâm sản, chim thú quý. + Đã hình thành các lâm trường, các cơ sở khai thác và chế biến lâm sản. - <i>Về ngư nghiệp (0,75 điểm)</i> <ul style="list-style-type: none"> + Có bờ biển dài (tất cả các tỉnh đều có biển) thêm lục địa rộng, nhiều vũng vịnh kín, đầm phá thuận lợi cho đánh bắt, nuôi trồng thủy sản. + Nguồn tài nguyên biển phong phú, có nhiều bãi cá, bãi tôm lớn (Ninh Thuận-Bình Thuận), với nhiều loại quý (cá thu, cá ngừ, tôm hùm, tôm he,...). + Đã hình thành nhiều cơ sở nuôi trồng, đánh bắt và chế biến thủy sản; nhân dân có kinh nghiệm, truyền thống trong lĩnh vực này. - <i>Về nông nghiệp (0,5 điểm)</i> <ul style="list-style-type: none"> + Vùng đồi núi phía Tây thuận lợi phát triển chăn nuôi gia súc lớn (bò ,trâu), trồng cây công nghiệp lâu năm (cà phê, cao su, chè, hồ tiêu...). + Đồng bằng duyên hải phía Đông, chủ yếu là đất cát pha, có khả năng trồng cây hàng năm (lúa, lạc, mía, thuốc lá...). <p><i>b. Ảnh hưởng đến sự hình thành cơ cấu kinh tế của vùng (0,5 điểm)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Nhờ có các thế mạnh trên, cơ cấu nông - lâm - ngư 	<p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>

	nghiệp đã được hình thành và phát triển. + Góp phần hoàn thiện cơ cấu kinh tế chung của vùng.	0,25 0,25																					
III	Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện cơ cấu dân số phân theo thành thị và nông thôn ở nước ta trong thời kì 1990 - 2002	3,0 điểm																					
	1. Vẽ biểu đồ (2,0 điểm)																						
	a. Xử lí số liệu (%) (0,5 điểm) <table border="1" style="margin-left: 20px;"> <thead> <tr> <th>Năm</th> <th>Thành thị</th> <th>Nông thôn</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1990</td> <td>19,5</td> <td>80,5</td> </tr> <tr> <td>1994</td> <td>20,4</td> <td>79,6</td> </tr> <tr> <td>1996</td> <td>21,1</td> <td>78,9</td> </tr> <tr> <td>1998</td> <td>23,2</td> <td>76,8</td> </tr> <tr> <td>2001</td> <td>24,7</td> <td>75,3</td> </tr> <tr> <td>2002</td> <td>25,1</td> <td>74,9</td> </tr> </tbody> </table>	Năm	Thành thị	Nông thôn	1990	19,5	80,5	1994	20,4	79,6	1996	21,1	78,9	1998	23,2	76,8	2001	24,7	75,3	2002	25,1	74,9	0,5
Năm	Thành thị	Nông thôn																					
1990	19,5	80,5																					
1994	20,4	79,6																					
1996	21,1	78,9																					
1998	23,2	76,8																					
2001	24,7	75,3																					
2002	25,1	74,9																					
	b. Vẽ biểu đồ thích hợp nhất (dạng miền) (1,5 điểm) Biểu đồ thể hiện cơ cấu dân số phân theo thành thị và nông thôn nước ta trong thời kì 1990 - 2002 	1,5																					
	2. Nhận xét và giải thích (1,0 điểm)																						
	a. Nhận xét (0,5 điểm) - Có sự thay đổi (theo xu hướng tăng tỉ lệ dân thành thị và giảm tỉ lệ dân nông thôn), nhưng còn chậm. - Tỉ lệ dân thành thị tăng 5,6% (từ 19,5% năm 1990 lên 25,1% năm 2002), tỉ lệ dân nông thôn giảm tương ứng (từ 80,5% xuống 74,9%).	0,25 0,25																					
	b. Giải thích (0,5 điểm) - Do kết quả của quá trình công nghiệp hoá và đô thị hoá. - Tuy nhiên, quá trình trên diễn ra còn chậm.	0,25 0,25																					